TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2019
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga.

2. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 594/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Hoài Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. "Có mặt"

Bị đơn: Ông Lê Viết D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Hoài Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Hoài Th và ông Lê Viết D tìm hiểu nhau một thời gian và kết hôn vào năm 2008, hôn nhân là tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 30/6/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau và đã có lần xô xát nhau. Hiện nay hai người vẫn sống chung một nhà, nhưng không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay, bà Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn ông D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Đặng Thị Hoài Th và ông Lê Viết D có 03 người con chung tên là Lê Hoàng Thiên L, sinh ngày 05/11/2010; Lê Đặng Thiên H, sinh ngày 01/02/2012 và Lê Đặng Hoàng A, sinh ngày 04/5/2015, hiện nay các con đang sống với bà Th và ông D. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu ông Dphải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Lê Viết D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 594/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo giấy triệu tập ông D đến Tòa án để làm việc, nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án nêu ý kiến về nội dung vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về thời hạn xử lý đơn và thời hạn giải quyết vụ án còn kéo dài chưa đúng quy định tại Điều 191 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy không ảnh hưởng tới nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án khác.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại 02 phiên tòa sơ thẩm là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Hoài Th là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:*

Ông Lê Viết D có nơi cư trú tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc vắng mặt của đương sự:* Ông Lê Viết D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 04/6/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 25/6/2019, nhưng ông Lê Viết D đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Viết D theo luật định.

[3]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01, ngày 30/6/2008 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà Đặng Thị Hoài Th và ông Lê Viết D là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống. Bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn ông D. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà Th và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Th được ly hôn ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà Đặng Thị Hoài Th thấy rằng: Hiện nay các cháu Lê Hoàng Thiên L, sinh ngày 05/11/2010; Lê Đặng Thiên H, sinh ngày 01/02/2012 và Lê Đặng Hoàng A, sinh ngày 04/5/2015 đang sống với bà Th và ông D; cháu L và cháu H có nguyện vọng được ở với bà Th khi bà Th và ông D ly hôn; cháu A đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, cần giao các cháu L, H và A cho bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Th là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Th và buộc ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với các cháu Lê Hoàng Thiên L, Lê Đặng Thiên H và Lê Đặng Hoàng A mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L, cháu H và cháu A đủ 18 tuổi.

[5]. *Về tài sản và nợ chung:* Bà Đặng Thị Hoài Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc

hội thì bà Đặng Thị Hoài Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Lê Viết D phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Hoài Th được ly hôn ông Lê Viết D.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Hoàng Thiên L, sinh ngày 05/11/2010; Lê Đặng Thiên H, sinh ngày 01/02/2012 và Lê Đặng Hoàng A, sinh ngày 04/5/2015 cho bà Đặng Thị Hoài Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Viết D phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho các cháu Lê Hoàng Thiên L; Lê Đặng Thiên H và Lê Đặng Hoàng A mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Hoàng Thiên L; Lê Đặng Thiên H và Lê Đặng Hoàng A đủ 18 tuổi.

Ông Lê Viết D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Hoài Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004760 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Đặng Thị Hoài Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Buộc ông Lê Viết D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã C, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy